

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

**Địa chỉ: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng**

**Tel: (84-31) 3823351**  
**Website: <http://www.transco.com.vn>**

**Fax: (84-31) 3822155**  
**Email: [transco@transco.com.vn](mailto:transco@transco.com.vn)**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2014**

# MỤC LỤC

\*\*\*\*\*

## **I) Thông tin chung:**

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

## **II) Tình hình hoạt động trong năm:**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## **III) Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

## **IV) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

## **V) Quản trị Công ty**

## **VI) Báo cáo tài chính**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2014

Mã chứng khoán : TJC

Tên công ty niêm yết : Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại
- Tên tiếng Anh : Transportation and trading services joint stock company
- Tên viết tắt : Transco
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200387594
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Trụ sở giao dịch : Số 1 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại : ( 84 - 31 ) 3842565 Fax : ( 84-31) 3822155
- Email : [transco@transco.com.vn](mailto:transco@transco.com.vn) Website : [www.transco.com.vn](http://www.transco.com.vn)
- Mã cổ phiếu: TJC

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

#### a. Việc thành lập

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại tiền thân là Xí nghiệp dịch vụ - vận tải hàng hoá và hành khách trực thuộc Công ty vận tải biển III, thành viên của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

#### b. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Công ty được cổ phần hoá theo Quyết định số 3827/1999/QĐ-BGTVT ngày 30/12/1999 của Bộ Giao thông vận tải và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 0200387594 ngày 28 tháng 06 năm 2010. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2000 với vốn điều lệ 4 tỷ đồng trong đó vốn Nhà nước do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam làm đại diện chiếm 30%, vốn của các cổ đông khác chiếm 70%. Từ tháng 5/2010 đến nay vốn điều lệ của Công ty là 60 tỷ đồng.

### **c. Niêm yết**

Ngày 12 tháng 12 năm 2007 Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp giấy chứng nhận số 368/ ĐKGD cho phép Công ty “ được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2007” với mã chứng khoán TJC.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch lần đầu tiên vào ngày 17 tháng 12 năm 2007.

## **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **a. Ngành nghề kinh doanh**

- Vận tải , dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hoá, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;

### **b. Tình hình hoạt động**

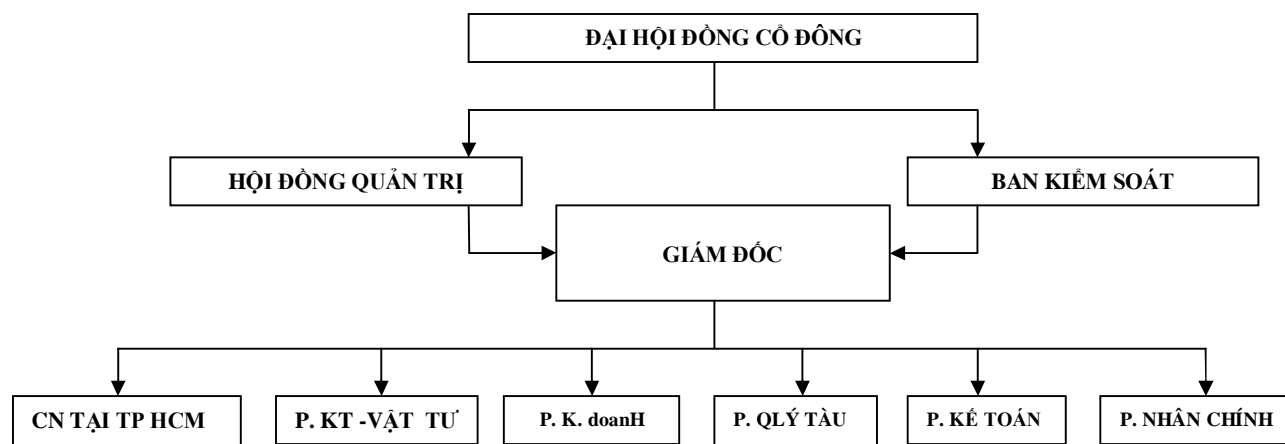
Với những nỗ lực của cán bộ công nhân viên Công ty và sự hỗ trợ từ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, sau gần 15 năm hoạt động Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại đã không ngừng lớn mạnh và phát triển. Vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 4 tỷ đồng năm 2000 lên 10 tỷ đồng năm 2004, tháng 11 năm 2007 vốn điều lệ của Công ty đạt 30 tỷ đồng, tháng 5/2010 vốn điều lệ của Công ty đã đạt 60 tỷ đồng. Đội tàu của Công ty từ lúc cổ phần hóa chỉ có 01 tàu với trọng tải 8.294 DWT, đến đầu năm 2013 đội tàu của Công ty gồm 04 chiếc tàu hàng khô với tổng trọng tải 29.711 DWT. Đội tàu được khai thác ổn định, tình trạng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn của đăng kiểm. Tuy nhiên để cơ cấu, trẻ hoá đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty tiến hành bán một số tàu già, tiêu hao nhiên liệu cao như tàu Transco Sun, tàu Hà Tây. Đến tháng 8/2014 đội tàu của Công ty có 02 chiếc tàu 17 tuổi với tổng trọng tải 14.440 DWT. Hai con tàu này hiện có tình trạng kỹ thuật tốt, khai thác có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch và có lãi. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu ở 02 mảng: khai thác vận tải và dịch vụ vận tải. Các hợp đồng vận chuyển hầu hết đã được ký trước với các bạn hàng truyền thống. Đội tàu được khai thác chủ yếu ở các tuyến Đông Nam á và Đông Bắc á chủ yếu là loại hàng rời, hàng bao và hàng bách hoá. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng đầu tư phát triển đội tàu, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Với

đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm và đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Công ty luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty hàng hải Việt Nam.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty trong năm 2014 như sau:

- Hội đồng quản trị : gồm 06 thành viên
- Ban kiểm soát : gồm 03 thành viên
- Ban Giám đốc : 01 Giám đốc, 01 phó giám đốc
  - Khối quản lý : gồm 05 phòng ban chức năng, 01 chi nhánh.
    - + Phòng Quản lý tàu
    - + Phòng Kế toán
    - + Phòng Kinh doanh
    - + Phòng Nhân chính
    - + Phòng kỹ thuật Vật tư
    - + Chi nhánh tại TP HCM



#### 5. Định hướng phát triển

##### a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Về kinh doanh đội tàu: Tiếp tục duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống vận chuyển hàng nội địa, xuất nhập khẩu theo tuyến Đông Nam á, Đông Bắc Á, đồng thời khai thác các tuyến vận chuyển mới ở các tuyến xa hơn.

- Về hoạt động dịch vụ: đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển thị trường dịch vụ hàng container, hàng bao, hàng rời, mở rộng quan hệ với các hãng tàu, khách hàng lớn có nguồn hàng vận chuyển ổn định.

- Tiếp tục công tác tuyển dụng thuyền viên, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng các chức danh sỹ quan đã có kinh nghiệm đi tàu để hoàn thiện tốt hơn đội ngũ thuyền bộ cho các tàu của Công ty.

### **b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Phát triển thành doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải có trình độ và năng lực cạnh tranh quốc tế, cung cấp các dịch vụ vận tải biển và giao nhận hàng hoá có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước trong đó kinh doanh vận tải biển là chủ lực.

- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng việc đầu tư phát triển, trẻ hóa đội tàu và tăng cường năng lực vận tải. Năm 2015 Công ty có kế hoạch mua 01 tàu hàng khô trọng tải 8.000 – 12.000 DWT. Từ năm 2016 – 2020 Công ty có kế hoạch đầu tư thêm từ 02 đến 03 chiếc tàu hàng khô trọng tải 9.000 – 12.000 DWT tùy theo khả năng tài chính của Công ty để đáp ứng kịp thời yêu cầu vận tải của các bạn hàng truyền thống, nâng tổng số tấn trọng tải đội tàu vào năm 2020 là 45.000 DWT.

- Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ hàng hải và vận tải, tiến tới xây dựng mô hình kinh doanh dịch vụ khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá.

- Nghiên cứu mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ các nhà máy sản xuất xi măng trong và ngoài nước.

## **6. Các rủi ro:**

### **a) Rủi ro kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty – hoạt động vận tải biển – chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên toàn thế giới. Tất cả các biến động về kinh tế – chính trị trên thế giới đều làm ảnh hưởng đến quan hệ thương mại giữa các quốc gia, khu vực, và do đó tất yếu ảnh hưởng đến hoạt động vận tải biển của Công ty.

Trong năm 2014, nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu có dấu hiệu phục hồi nhưng thị trường vận tải biển vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Thị phần vận tải biển Việt

Nam bị cạnh tranh gay gắt bởi không chỉ các hãng tàu nước ngoài mà cả rất nhiều các công ty khác hoạt động trong lĩnh vực vận tải, trong khi giá cước vận tải vẫn ở mức thấp, các chi phí đầu vào vẫn liên tục tăng cao như nhiên liệu, sửa chữa, cảng phí, ... ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt ngày càng nhiều các Công ty hoạt động về lĩnh vực vận tải trong và ngoài nước nên sự cạnh tranh về giá cước rất khốc liệt.

**b) Rủi ro bất khả kháng:**

Ngành hàng hải là một trong những lĩnh vực kinh doanh có nhiều rủi ro nhất bao gồm những rủi ro bất khả kháng do thiên tai, địch họa, bão lụt, chiến tranh..., có thể gây ra tổn thất đối với phương tiện vận tải, hàng hoá và con người trên tàu.

**c) Rủi ro về tỷ giá:**

Lĩnh vực kinh doanh vận tải của Công ty chủ yếu là vận tải quốc tế nên doanh thu thu về chủ yếu là bằng đồng đô la Mỹ. Mặt khác đầu tư phát triển đội tàu với giá trị lớn hầu hết đều mua ở nước ngoài nên khoản vay Ngân hàng để đầu tư đều bằng đồng đô la Mỹ. Do vậy sự tăng giảm của tỷ giá USD/VND sẽ tác động rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Theo Báo cáo tài chính của Công ty năm 2014 đã được kiểm toán :

- Doanh thu : 221.864.779.297 đồng
- Lãi trước thuế : 27.755.378.083 đồng

Bảng 1 : So sánh tình hình thực hiện năm 2014 với kế hoạch năm 2014

*Đơn vị : triệu đồng*

STT	TÊN CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH
1	Tổng doanh thu	180.000	221.864	123,25%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	3.900	23.020	590,25%
3	Tỷ lệ LN sau thuế/ tổng doanh thu (%)	2,17	10,37	480%
4	Tỷ lệ LN sau thuế/ vốn điều lệ (%)	6,5	38	584,6%
5	Cổ tức / Cổ phiếu( %/vốn điều lệ )	5% tiền mặt và chia cổ phiếu thưởng	5% tiền mặt và chia cổ phiếu thưởng 20%/vốn	

		20%/vốn điều lệ bằng nguồn vốn chủ sở hữu	điều lệ bằng nguồn vốn chủ sở hữu	
--	--	---	---	--

Năm 2014 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn duy trì sự ổn định và tiếp tục phát triển bền vững. Mặc dù tình hình kinh tế trong nước khó khăn vẫn kéo dài, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty đã xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình hiện có của Công ty, tiếp tục tái cơ cấu đội tàu để nâng cao hiệu quả khai thác vận tải biển, chú trọng hợp tác, liên kết với các bạn hàng, đối tác chiến lược nhằm xây dựng các sản phẩm trọn gói, hiệu quả cao. Đội tàu được hoạt động trong điều kiện kỹ thuật tốt, có chân hàng ổn định, chuyên chở hàng cho các bạn hàng truyền thống, khai thác hiệu quả hơn trước, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch và hoạt động có lãi. Mảng kinh doanh dịch vụ vận tải vẫn duy trì những nguồn hàng ổn định như chuyển tải xi măng, clinker, dịch vụ hàng container... đem lại hiệu quả cao. Tháng 7/2014 Công ty bán thanh lý tàu Hà Tây đã hết khấu hao, quá già, chi phí sửa chữa nhiều, tiêu hao nhiên liệu cao, khai thác không phù hợp. Việc bán tàu này đã đem lại cho Công ty một khoản lợi nhuận là 17,6 tỷ đồng. Doanh thu và giá vốn hàng bán năm 2014 giảm so với năm 2013 là do Công ty đã bán bớt 01 tàu Hà Tây, hiện Công ty chỉ khai thác 02 con tàu là Transco Star và Transco Sky nhưng vẫn rất hiệu quả. Do đó kết thúc năm 2014, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 221 tỷ đồng, bằng 96,37% so với năm 2013 và tăng 23,25% so với kế hoạch đặt ra. Giá vốn hàng bán năm 2014 là 202,3 tỷ đồng, bằng 95,12% so với năm 2013. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty đạt: 23.020 tỷ đồng, bằng 590,25% kế hoạch đề ra và bằng 771% năm 2013.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### \* Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

#### a. Ông Lê Tất Hưng - Giám đốc điều hành

- Sinh ngày : 20/04/1964
- Giới tính : Nam
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số điện thoại : 0913244180
- Số CMTND : 030679230
- Chức vụ hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành công ty



- Nơi ở hiện nay : Khu 9, Phường Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác :
  - + Từ 1988 đến 06/2002 : công tác tại Công ty vận tải biển III, kiêm uỷ viên HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.
  - + Từ 6/2002 đến 12/10/2009 : Uỷ viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
  - + Từ 12/10/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 110.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 1.800.000 cổ phần

b. Ông **Phan Duy Vân** - Phó Giám đốc Công ty

- Sinh ngày : 18/05/1966
- Giới tính : Nam
- Nơi sinh : Nghệ An
- Số điện thoại : 0912452896
- Số CMTND : 030802311
- Chức vụ hiện nay : uỷ viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc công ty
- Nơi ở hiện nay : Số 9 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng bàng, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Khai thác máy tàu thủy
- Quá trình công tác :
  - + Từ 01/2001 đến 02/2003 : Sỹ quan máy Công ty vận tải biển III.
  - + Từ 02/2003 đến 10/2004 : cán bộ phòng kinh doanh Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
  - + Từ 10/2004 đến 04/2007: cán bộ phòng Quản lý tàu Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
  - + Từ 04/2007 đến 07/2008: Phó phòng Quản lý tàu Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
  - + Từ 07/2008 đến 09/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật-vật tư Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
  - + Từ 09/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.

- + Từ 05/2013 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại.
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 32.200 cổ phần

**b. Bà Trần Thị Kim Lan - Kế toán trưởng**

- Ngày sinh : 22/01/1962
- Giới tính : Nữ
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số CMTND : 030168425
- Số điện thoại : (031)3823351
- Nơi ở hiện nay : Số 1 cảng 2 Lê Lợi, phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Quá trình công tác :
  - + Từ 1985 - 1997 : Cán bộ Thương vụ Công ty vận tải biển III.
  - + Từ 4/1997 - 5/2001 : Phó phòng Tài chính Kế toán Cty vận tải biển III.
  - + Từ 5/2001 đến nay : Kế toán trưởng Cty CP dịch vụ vận tải và TM , từ tháng 5/2008 đến nay : kiêm ủy viên HĐQT Công ty.
- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Cty CP dịch vụ vận tải và thương mại kiêm ủy viên HĐQT Công ty.
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải sông
- Số cổ phần nắm giữ : 21.000 cổ phần

**\*Tình hình biến động nhân sự của Ban điều hành :** không có.

**\* Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

- + Số lượng cán bộ công nhân viên trong công ty : 126 người
- + Chính sách đối với người lao động :
  - Chế độ làm việc : Người lao động trong công ty đều có hợp đồng theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày / tuần và 8giờ/ ngày.
  - Chính sách tuyển dụng, đào tạo nhân lực : Đối với thuyền viên, thường xuyên tổ chức công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên trực tiếp ngay tại Công ty và trên các phương tiện vận tải biển, gửi thuyền viên tham dự các khoá đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng thực hành tại các cơ sở đào tạo thuyền viên chuyên

nghiệp trong nước. Các sỹ quan thuyền viên mới tuyển dụng phải trải qua các khoá huấn luyện ngắn hạn trước khi đưa xuống các phương tiện vận tải. Đối với lao động gián tiếp, công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi : Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân , tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Quy chế lương của Công ty xây dựng trên cơ sở khuyến khích tối đa mức độ đóng góp của nhân viên, định kỳ hai lần trong năm Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật họp đánh giá mức độ cống hiến của từng nhân viên trong Công ty, trên cơ sở đó đề ra mức khen thưởng lợi ích cụ thể với từng người, điều này đã khuyến khích cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty. Hằng năm, Công ty có tổ chức cho Cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: không có**

### **4. Tình hình tài chính**

#### **a) Tình hình tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	190.025.445.082	189.301.562.708	<b>- 0,38%</b>
Doanh thu thuần	230.205.217.571	221.864.779.297	<b>-3,62%</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.201.682.954	9.070.572.562	<b>115,8%</b>
Lợi nhuận khác	(1.215.214.833)	18.684.805.521	
Lợi nhuận trước thuế	2.986.468.121	27.755.378.083	<b>829,3%</b>
Lợi nhuận sau thuế	2.986.468.121	23.020.874.051	<b>771%</b>
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	498	3.837	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,28	0,83	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
$\frac{\text{TSLĐ - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,66	1,16	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,56	0,44	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,3	0,79	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	21,77	31,85	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,21	1,17	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,1	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,21	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,01	0,04	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 6.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Chi tiết về cơ cấu cổ đông tính đến ngày 30/05/2014:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>I. Tổng số vốn chủ sở hữu</b>	<b>5,983,775</b>	<b>59,837,750,000</b>	<b>99,73</b>	<b>16,225</b>	<b>162,250,000</b>	<b>0,27</b>	<b>6,000,000</b>	<b>60,000,000,000</b>	<b>100</b>
<i>1. Cổ đông Nhà nước</i>	1,800,000	18,000,000,000	30				1,800,000	18,000,000,000	30
<i>2. Cổ đông đặc biệt</i>	233,262	2,332,620,000	3,89				233,262	2,332,620,000	3,89
- Hội đồng quản trị	221,000	2,210,000,000	3,68				221,000	2,210,000,000	3,68
- Ban giám đốc	-	-					-	-	
- Ban kiểm soát	12,262	122,620,000	0,21				12,262	122,620,000	0,21
- Kế toán trưởng									
<i>3. Cổ đông trong công ty:</i>	<b>108,014</b>	<b>1,080,140,000</b>	<b>1,8</b>				<b>108,014</b>	<b>1,080,140,000</b>	<b>1,8</b>
- Cán bộ công nhân viên	108,014	1,080,140,000	1,8				108,014	1,080,140,000	1,8
<i>4. Cổ đông ngoài công ty:</i>	<b>3,842,499</b>	<b>38,424,990,000</b>	<b>64,04</b>	<b>16,225</b>	<b>162,250,000</b>	<b>0,27</b>	<b>3,858,724</b>	<b>38,587,240,000</b>	<b>64,31</b>
- Cá nhân	3,791,032	37,910,320,000	63,18	16,225	162,250,000	0,27	3,807,257	38,587,240,000	63,45
- Tổ chức	51,467	514,670,000	0,86				51,467	514,680,000	0,86
<b>II. Cổ phiếu quỹ</b>									

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng số vốn chủ sở hữu</b>	<b>5,983,775</b>	<b>59,837,750,000</b>	<b>99,73</b>	<b>16,225</b>	<b>162,250,000</b>	<b>0,27</b>	<b>6,000,000</b>	<b>60,000,000,000</b>	<b>100</b>
<i>1. Cổ đông sáng lập</i>	264,599	2,645,990,000	4,41				264,599	2,645,990,000	4,41
<i>2. Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	1,800,000	18,000,000,000	30				1,800,000	18,000,000,000	30
<i>3. Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	3,919,176	39,191,760,000	65,32	16,225	162,225,000	0,27	3,935,401	39,354,010,000	65,59

- Chi tiết về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên :

+ Tên cổ đông : Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

+ Số cổ phần nắm giữ : 1.800.000 cổ phần

+ Số giấy phép đăng ký kinh doanh : 0106000600 - Sở Kế hoạch Đầu tư Hà nội cấp ngày 27/09/2007

+ Địa chỉ :Toà nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Đống Đa - Hà Nội

+ Người đại diện : Lê Tất Hưng -Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2014 tình hình thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới đã có xu hướng tăng nhẹ nhưng xét tổng thể cả năm vẫn chưa có những chuyển biến tích cực rõ rệt. Đội tàu của Công ty tiếp tục hoạt động chủ yếu trong khu vực Đông Nam và Bắc Á với mặt bằng giá cước vận chuyển cho cỡ tàu dưới 10.000 tấn chưa có nhiều thay đổi đáng kể. Giá nhiên liệu trong nước và trong khu vực đã giảm nhưng giảm nhiều vào những tháng cuối năm nên không ảnh hưởng nhiều vào chi phí nhiên liệu trong năm, do vậy tỷ trọng chi phí nhiên liệu trong giá thành vận tải vẫn ở mức cao, chiếm tỷ trọng khoảng 45% - 46% tổng chi phí. Điều kiện thời tiết tại các cảng trong trong quý III + IV không mấy thuận lợi, mưa nhiều và gió mùa ảnh hưởng đến tốc độ giải phóng tàu ở các đầu bến và hành hải của tàu, phát sinh nhiều chi phí ngày tàu nằm chờ. Kinh doanh dịch vụ vận tải vẫn duy trì những nguồn hàng ổn định. Tháng 7/2014 Công ty đã bán thành công tàu Hà Tây đã hết khấu hao, khai thác không phù hợp và đã thu về một khoản lợi nhuận 17,6 tỷ đồng. Hiện Công ty đang tích cực tìm kiếm đầu tư thêm 01 tàu hàng khô trọng tải 7.000 DWT – 12.000 DWT đã qua sử dụng. Với sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám đốc cùng với sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên toàn Công ty, kết thúc năm 2014 Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch 10,65% tổng sản lượng vận tải , tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 221 tỷ đồng, tăng 23,25% so với kế hoạch và bằng 96,3% so với năm 2013, lợi nhuận trước thuế tăng 455% so với kế hoạch và tăng hơn 9 lần so với năm trước.

#### **2. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài sản

Giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 :

+ Tổng giá trị tài sản	:	189.301.562.708 đồng
Trong đó : - Tài sản ngắn hạn	:	53.567.131.040 đồng
- Tài sản dài hạn	:	135.734.431.668 đồng
+ Tổng nguồn vốn	:	189.301.562.708 đồng
Trong đó: - Nợ phải trả	:	83.947.939.563 đồng
- Vốn chủ sở hữu	:	105.353.623.145 đồng

Đầu năm 2014 Công ty khai thác trên 03 con tàu với tổng trọng tải 22.640 DWT. Tàu Transco Star và tàu Transco Sky có độ tuổi bình quân 16 -17 tuổi, còn tàu Hà Tây đã già cỗi nên phát sinh rất nhiều chi phí nhiên liệu, sửa chữa, bảo hiểm, chi phí quản lý..., hạn chế khả năng cạnh tranh. Tháng 7/2014 Công ty bán thành công tàu Hà Tây đã hết khấu hao, không còn đảm bảo tình trạng kỹ thuật để tiếp tục khai thác. Năm 2014 Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra những biện pháp mạnh nhằm tiết kiệm chi phí như chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa, khai thác tàu phù hợp, đảm bảo hàng hai chiều, tăng được doanh thu, có lợi nhuận ổn định. Các tàu đều ở trong tình trạng kỹ thuật tốt, không có tàu nào phải lên đà sửa chữa, đội tàu được khai thác hiệu quả hơn trước, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch và kinh doanh có lãi.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Nhìn chung Công ty đều thanh toán các khoản nợ cho khách hàng tương đối đều đặn và ổn định theo đúng quy định trong hợp đồng. Trong năm 2014 Công ty đã trả 984,000 USD nợ gốc và 147,634.22 USD lãi vay mua 02 tàu Transco Star và Transco Sky. Đến cuối năm 2014 Công ty còn nợ Ngân hàng Công thương Hồng Kông là 2,5 triệu USD tiền đầu tư mua 02 tàu Transco Star và Transco Sky. Công ty luôn cân đối nguồn vốn để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng thời hạn.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Năm 2014, Công ty liên tục rà soát để phân loại, đào tạo lại những thuyền viên có năng lực yếu kém, không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công việc, đào tạo nâng cao trình độ quản lý và vận hành tàu của các sỹ quan thuyền viên, tăng cường tuyển dụng những thuyền viên có trình độ cao để hoàn thiện bộ máy thuyền bộ của Công ty. Xây dựng quy chế tiền lương mới để kích thích người lao động làm việc có trách nhiệm, nâng cao năng suất lao động.

Đối với cán bộ phòng ban, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ, luôn tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ đi học thêm các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Thị trường vận tải biển dự báo tiếp tục còn nhiều khó khăn trước mắt. Nhu cầu vận chuyển hàng vẫn chưa nhiều trong khi dư thừa tấn trọng tải. Do đó, các công ty vận tải biển cần có chiến lược cơ cấu lại đội tàu cho phù hợp với nguồn hàng vận chuyển, năng lực khai thác. Đồng thời nâng cao năng lực quản lý, điều hành, siết chặt các khoản mục chi phí để duy trì hoạt động khai thác tàu, đảm bảo cân bằng hoặc có lãi nhất định, vượt qua giai đoạn khó khăn. Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các biện pháp thực hiện như sau:

a, Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2014, Công ty đang triển khai công việc tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 96 tỷ đồng. Hiện việc tăng vốn từ 60 tỷ lên 72 tỷ đồng đã được thực hiện xong vào ngày 09/03/2015 theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận thanh toán cổ phiếu thưởng số B003/2015-TJC/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Công ty đang tiếp tục chào bán thêm 2.400.000 cổ phiếu ra công chúng với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu, thời hạn nộp tiền mua cổ phiếu từ ngày 10/03/2015 đến hết 08/04/2015. Số tiền thu được từ việc bán cổ phần phát hành thêm sẽ được sử dụng làm nguồn vốn đối ứng để đầu tư thêm 01 tàu hàng khô trọng tải từ 7.000 – 12.000 DWT đã qua sử dụng phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

b, Tiếp tục duy trì vận tải mặt hàng xuất nhập khẩu than, thạch cao truyền thống trên tuyến Việt Nam – Thái Lan. Đồng thời tìm kiếm, mở rộng quan hệ với các khách hàng Hàn Quốc, Nhật Bản có uy tín để cho thuê tàu định hạn.

c, Dựa trên cơ sở nhu cầu vận tải, Công ty nghiên cứu phương án thuê tàu trần (01 tàu) để khai thác.

d, Nâng cao năng lực quản lý, siết chặt hợp lý các khoản mục chi phí trong giá thành vận tải, đặc biệt là nhiên liệu và sửa chữa.

e, Đẩy mạnh hơn nữa mảng hoạt động dịch vụ logistic và đại lý vận tải, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dịch vụ, từng bước nâng cao hình ảnh, uy tín của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế. Công ty đang nghiên cứu phương án đầu tư phương tiện hỗ trợ cho hoạt động dịch vụ như đầu tư sà lan để đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong giai đoạn tới.



f, Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý của CBCNV viên cũng như sỹ quan, thuyền viên dưới tàu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và giảm thiểu những sai sót, rủi ro trong quá trình vận hành và khai thác tàu.

Căn cứ vào tình hình thị trường, nhận thức trách nhiệm với các cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, Ban giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2015
1	Tổng sản lượng	Tấn	750.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	160.000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.500

**5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có**

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

\* Về sản xuất kinh doanh:

Trong khi tình hình thị trường vận tải biển trong khu vực cũng như trong nước còn nhiều biến động thất thường, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi đúng hướng phù hợp với năng lực và khả năng tài chính của Công ty. Công việc kinh doanh tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính là khai thác vận tải và dịch vụ logistics, không hoạt động dàn trải, phân tán. Trong điều kiện một số chi phí luôn giữ ở mức cao, Ban giám đốc đã kịp thời chỉ đạo các bộ phận chức năng áp dụng nhiều biện pháp hữu hiệu nhằm giảm bớt chi phí vận hành tàu, thực hiện chế độ bảo quản, bảo dưỡng tàu tốt, giữ tàu sạch đẹp, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, đồng thời khai thác tàu đảm bảo hàng hai chiều, kinh doanh có lãi. Trước tình hình cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt, kinh doanh dịch vụ logistics vẫn duy trì các nguồn hàng ổn định với những bạn hàng lớn như Công ty xi măng Chinfon, Công ty TNHH MTV thép Hoà Phát, Công ty TNHH Vĩnh Phước...). Do vậy trong điều kiện khó khăn, hầu hết

các doanh nghiệp vận tải bị thua lỗ thì Công ty từng bước ổn định vượt qua khó khăn, kinh doanh có lãi và đạt tốc độ tăng trưởng cao so với năm trước.

\* Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn đảm bảo tính chính xác và trung thực, thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách kế toán tài chính hiện hành.

\*Về công tác đầu tư:

Nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng cao về khai thác vận tải biển, Công ty đang tích cực đầu tư phát triển trẻ hoá đội tàu, nâng cao năng lực quản lý của cán bộ công nhân viên, nâng cao khả năng khai thác, vận hành tàu biển để giảm thiểu rủi ro, tăng cường hiệu quả kinh doanh. Để cơ cấu, trẻ hoá đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh, cuối tháng 7/2014 Công ty đã bán tàu Hà Tây hết khấu hao, khai thác không phù hợp. Đến tháng 8/2014 đội tàu của Công ty chỉ còn 02 chiếc tàu 17 tuổi với tổng trọng tải 14.440 DWT. Hai con tàu này hiện có tình trạng kỹ thuật tốt, khai thác có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn trả nợ Ngân hàng và kinh doanh có lãi. Sau khi bán thành công tàu Hà Tây, Công ty cũng đã triển khai công tác tìm tàu phù hợp với điều kiện khai thác hàng và tình hình tài chính của Công ty nhưng chưa tìm được tàu phù hợp. Hiện tại Ban giám đốc vẫn tiếp tục triển khai công tác tìm tàu để đầu tư thêm 01 chiếc vào năm 2015 để cơ cấu trẻ hoá đội tàu, tăng năng lực cạnh tranh và khai thác của Công ty.

## ***2)Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc:***

Công tác chỉ đạo kinh doanh của Ban giám đốc luôn theo sát kế hoạch và phương hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện vượt mức các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban giám đốc làm việc tích cực, làm việc có trách nhiệm, luôn bám sát các công việc hàng ngày, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, quán triệt tinh thần tiết kiệm chi phí trong khai thác quản lý tàu. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được triển khai kịp thời đến các cấp quản lý và các phương tiện. Do vậy kết quả kinh doanh năm 2014 đã đạt được rất tốt, vượt mức toàn diện các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

Kết hợp với công tác chuyên môn, Ban giám đốc luôn quan tâm đến chế độ lương thưởng và đời sống của CBCNV, tạo sự đoàn kết nhất trí, làm việc nhiệt tình của CBCNV và sỹ quan thuyền viên.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị Công ty gồm 06 người trong đó số thành viên độc lập không điều hành 03 người ; 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty, 01 Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc công ty, 01 Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty.

- a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2014:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	SỐ CP ĐẠI DIỆN NHÀ NƯỚC	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Lê Tất Hưng	030679230	Giám đốc/ Chủ tịch HĐQT/ Đại diện vốn của TCT Hàng hải VN	110.000	1.800.000	31.83%	0
2	Đỗ Văn Hội	030840161	Phó chủ tịch HĐQT	10.000		0.16%	0
3	Vương Ngọc Sơn	031288529	Ủy viên TT HĐQT	5.000		0.08%	0
4	Phan Duy Văn	030802311	Ủy viên HĐQT	32.200		0.54%	0
5	Trần Thị Kim Lan	030168425	Ủy viên HĐQT	21.000		0.35%	0
6	Mai Xuân Ngọt	030767200	Ủy viên HĐQT	37.800		0.46%	0

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị họp định kỳ 3 tháng/ lần, tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đưa ra phương hướng kế hoạch cho quý sau. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành căn cứ nhiệm vụ được phân công chỉ đạo công tác điều hành trong các lĩnh vực kỹ thuật, an toàn hàng hải, nhân sự, tài chính, kinh doanh.

- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị Công ty: không có

## 2. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 người trong đó có 01 trưởng ban kiểm soát và 02 uỷ viên.

- a) Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2014:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Đỗ Ngọc Thao	131095809	Trưởng ban kiểm soát	12.000	0.2%	0
2	Bùi Ngọc Thanh	030969366	Uỷ viên ban kiểm soát	62	0.001%	0
3	Đan Hải Long	030946351	Uỷ viên ban kiểm soát	200	0.003%	0

b) Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ hàng quý kiểm tra tính hợp lý hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý:

\* Thù lao HĐQT, ban kiểm soát năm 2014: 144.000.000 đồng/ năm, cụ thể như sau:

+ Thành viên HĐQT: 1.500.000đ/người/tháng

+ Thành viên ban kiểm soát: 1.000.000đ/người/tháng

ST T	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THÙ LAO NĂM 2014
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Lê Tất Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm GD	18.000.000
2	Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch HĐQT	18.000.000
3	Vương Ngọc Sơn	Uỷ viên HĐQT	18.000.000
4	Phan Duy Vân	Uỷ viên HĐQT kiêm Phó GD	18.000.000

5	Trần Thị Kim Lan	Ủy viên HĐQT kiêm KT trưởng	18.000.000
6	Mai Xuân Ngọt	Ủy viên HĐQT	18.000.000
<b>II Ban kiểm soát</b>			
1	Đỗ Ngọc Thao	Trưởng BKS	12.000.000
2	Bùi Ngọc Thanh	Ủy viên BKS	12.000.000
3	Đan Hải Long	Ủy viên BKS	12.000.000

\* Chi phí hội họp, hoạt động khác của HĐQT: không có.

\* Các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : Không có

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2014:

Bà Phan Thị Hải - người có liên quan tới ông Phan Duy Văn - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty có bán 3.900 cổ phiếu TJC. Số cổ phiếu còn lại: 0 cổ phiếu.

Bà Phan Thị Kiều - người có liên quan tới ông Phan Duy Văn - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty có bán 9.500 cổ phiếu TJC. Số cổ phiếu còn lại: 0 cổ phiếu.

Bà Phan Thị Hoa - người có liên quan tới ông Phan Duy Văn - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty có bán 1.300 cổ phiếu TJC. Số cổ phiếu còn lại: 0 cổ phiếu.

Bà Nguyễn Thị Hải - người có liên quan tới ông Đỗ Văn Hội – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty có bán 20.000 cổ phiếu TJC. Số cổ phiếu còn lại: 0 cổ phiếu.

Ông Đỗ Văn Hội – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty có bán 5.000 cổ phiếu TJC. Số cổ phiếu còn lại: 10.000 cổ phiếu.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị luôn hoạt động phù hợp với các quy định về quản trị Công ty

a) Kiểm toán độc lập :

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại.

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Cát Hưng

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0725-2013-002-1

Vũ Xuân Biển  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>53.567.131.040</b>	<b>37.374.269.577</b>
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.472.229.100	14.496.170.013
111	1. Tiền		7.472.229.100	14.496.170.013
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.000.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.350.799.418</b>	<b>13.853.691.710</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		8.889.137.823	4.547.602.340
132	2. Trả trước cho người bán		60.446.147	305.616.742
135	5. Các khoản phải thu khác	4	644.688.078	9.186.244.258
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(243.472.630)	(185.771.630)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	5	<b>5.019.958.885</b>	<b>7.682.372.605</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.019.958.885	7.682.372.605
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>724.143.637</b>	<b>1.342.035.249</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	4.023.000	27.538.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	913.530.139
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	4.543.977
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	720.120.637	396.423.133
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>135.734.431.668</b>	<b>152.651.175.505</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>135.725.231.668</b>	<b>150.854.103.796</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	128.469.935.668	143.598.807.796
222	- Nguyên giá		226.704.220.465	245.325.519.916
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(98.234.284.797)	(101.726.712.120)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.255.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.200.000</b>	<b>1.797.071.709</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	1.782.871.709
268	3. Tài sản dài hạn khác		9.200.000	14.200.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>189.301.562.708</b>	<b>190.025.445.082</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>83.947.939.563</b>	<b>107.413.507.901</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>41.817.067.443</b>	<b>44.547.020.111</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	13.212.840.000	18.951.235.000
312	2. Phải trả người bán		10.404.744.524	14.483.767.302
313	3. Người mua trả tiền trước		3.790.601.991	1.056.884.359
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	2.135.421.400	47.384.483
315	5. Phải trả người lao động		4.250.947.274	3.093.445.878
316	6. Chi phí phải trả	12	7.035.381.448	4.302.668.935
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	671.270.173	2.377.187.008
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		315.860.633	234.447.146
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>42.130.872.120</b>	<b>62.866.487.790</b>
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	42.130.872.120	62.866.487.790
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>105.353.623.145</b>	<b>82.611.937.181</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>105.353.623.145</b>	<b>82.611.937.181</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.169.335.000	17.169.335.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.047.519.690	2.047.519.690
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.543.003.763	2.543.003.763
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.593.764.692	852.078.728
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>189.301.562.708</b>	<b>190.025.445.082</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	194.018,68	184.238,31

Trần Thị Thanh Nhạn  
Người lập

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng  
Giám đốc


Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	221.864.779.297	230.205.217.571
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		221.864.779.297	230.205.217.571
11	4. Giá vốn hàng bán	17	202.337.298.331	212.704.984.283
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.527.480.966	17.500.233.288
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	1.179.770.755	578.030.921
22	7. Chi phí tài chính	19	4.301.066.897	6.587.425.253
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.184.229.248	4.969.283.806
24	8. Chi phí bán hàng	20	1.008.430.706	1.608.139.191
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	6.327.181.556	5.681.016.811
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.070.572.562	4.201.682.954
31	11. Thu nhập khác	22	26.807.164.796	16.561.891.755
32	12. Chi phí khác	23	8.122.359.275	17.777.106.588
40	13. Lợi nhuận khác		18.684.805.521	(1.215.214.833)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.755.378.083	2.986.468.121
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	4.734.504.032	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.020.874.051</u>	<u>2.986.468.121</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	3.837	498


Trần Thị Thanh Nhạn  
Người lập

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng
  
Lê Tấn Hưng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		231.219.920.434	238.470.254.356
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(185.710.444.386)	(200.633.474.630)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(14.635.797.891)	(17.911.643.256)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.642.713.529)	(5.770.849.397)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.672.593.050)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.555.990.000	37.457.961.260
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.809.091.403)	(26.258.047.466)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>31.305.270.175</i>	<i>25.354.200.867</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		19.387.068.182	16.413.363.637
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		558.467.128	21.930.660
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>19.945.535.310</i>	<i>16.435.294.297</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	6.754.340.206
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(27.317.820.000)	(36.744.753.623)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(27.317.820.000)</i>	<i>(29.990.413.417)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>23.932.985.485</i>	<i>11.799.081.747</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		14.496.170.013	2.687.626.063
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		43.073.602	9.462.203
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<b>38.472.229.100</b>	<b>14.496.170.013</b>

Trần Thị Thanh Nhạn  
Người lập

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 ngày 28 tháng 10 năm 2010 do Sở Đầu tư Hải Phòng cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 17 tháng 12 năm 2007 với mã giao dịch là TJC.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 11A Lầu 1 - Hoàng Diệu - Phường 12 - Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200387594 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; cung ứng và cho thuê thuyền viên.

#### 1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại đã bán thành công tàu Hà Tây, trọng tải 8.200 DWT, năm đóng 1976 đã hết hạn đăng kiểm cho Công ty Cổ phần Thương mại Đại Huy theo Hợp đồng mua bán tàu biển số 01/2014/HĐBT ngày 21/07/2014 với tổng giá trị là 17,68 tỷ và chính thức bán giao tàu cho Công ty Cổ phần Thương mại Đại Huy vào ngày 25/07/2014.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty và các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh được Chi nhánh hạch toán báo sổ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải       | 06 - 15 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm      |

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn và không thực hiện trích khấu hao.

**2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.15 . Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**2.18 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	666.846.475	502.376.380
Tiền gửi ngân hàng	6.805.382.625	13.993.793.633
Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	-
	<u><u>38.472.229.100</u></u>	<u><u>14.496.170.013</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm đến 5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	20.495.298	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.157.401	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	209.888.889	-
Phải thu chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Star và Transco Sky (*)	390.146.490	8.697.782.028
Phí tư vấn phát hành tăng vốn điều lệ	22.000.000	-
Phải thu tiền hàng hỏng do vận chuyển	-	488.386.630
Phải thu khác	-	75.600
	<b>644.688.078</b>	<b>9.186.244.258</b>

(\*) Khoản phải thu các chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Star và Transco Sky theo quy định tại các hợp đồng vận tải và các phụ lục bổ sung. Khoản phải thu sẽ được xử lý khi các bên thực hiện quyết toán theo quy định tại hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.019.958.885	7.682.372.605
	<b>5.019.958.885</b>	<b>7.682.372.605</b>

**6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	27.538.000	4.951.818
Tăng trong năm	6.582.776.646	7.759.958.147
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(6.456.877.239)	(7.639.262.326)
Giảm khác	(149.414.407)	(98.109.639)

Tại ngày 31/12 **4.023.000**      **27.538.000**

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hiểm	4.023.000	23.838.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	3.700.000
	<b>4.023.000</b>	<b>27.538.000</b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	720.120.637	396.423.133
	<b>720.120.637</b>	<b>396.423.133</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thu, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2014	245.290.110.485	35.409.431	245.325.519.916
Thanh lý, nhượng bán	<u>(18.621.299.451)</u>	-	<u>(18.621.299.451)</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>226.668.811.034</u>	<u>35.409.431</u>	<u>226.704.220.465</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2014	101.691.302.689	35.409.431	101.726.712.120
Trích khấu hao	15.128.872.128	-	15.128.872.128
Thanh lý, nhượng bán	<u>(18.621.299.451)</u>	-	<u>(18.621.299.451)</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>98.198.875.366</u>	<u>35.409.431</u>	<u>98.234.284.797</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2014	143.598.807.796	-	143.598.807.796
Tại ngày 31/12/2014	<u>128.469.935.668</u>	<u>-</u>	<u>128.469.935.668</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 128.469.935.668 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 189.817.240 đồng

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2014	7.255.296.000	7.255.296.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.255.296.000</u>	<u>7.255.296.000</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2014	7.255.296.000	7.255.296.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.255.296.000</u>	<u>7.255.296.000</u>

Tài sản cố định vô hình Công ty đang theo dõi và hạch toán là quyền sử dụng lâu dài diện tích đất 595m<sup>2</sup> tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng. Tài sản này đang dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay của Công ty.

**10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	6.490.000.000
Vay cá nhân	-	6.490.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	13.212.840.000	12.461.235.000
Vay dài hạn đến hạn trả	13.212.840.000	12.461.235.000
(Xem thuyết minh 14)		
	<u>13.212.840.000</u>	<u>18.951.235.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	13.212.840.000	12.461.235.000
	<b>13.212.840.000</b>	<b>12.461.235.000</b>
<b>11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	69.302.509	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.057.367.005	-
Thuế Thu nhập cá nhân	8.751.886	47.384.483
	<b>2.135.421.400</b>	<b>47.384.483</b>
<p>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		
<b>12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu	5.883.333.330	2.400.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	735.621.291	1.194.105.572
Chi phí phải trả khác	416.426.827	708.563.363
	<b>7.035.381.448</b>	<b>4.302.668.935</b>
<b>13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.866.220	33.660.268
Phải trả cho Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	269.209.406	914.362.597
Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	159.111.961	1.292.559.044
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	158.096.407	94.221.240
Phải trả, phải nộp khác	69.986.179	42.383.859
	<b>671.270.173</b>	<b>2.377.187.008</b>
<b>14 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Vay dài hạn	42.130.872.120	62.866.487.790
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	42.130.872.120	62.866.487.790
	<b>42.130.872.120</b>	<b>62.866.487.790</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng bao gồm 02 hợp đồng tín dụng:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/HDDH/NHHB ngày 12 tháng 09 năm 2007 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng tín dụng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 6.450.000 USD;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô New Lucky XI theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 14/06/2007 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Công ty Franbo Navigator S.A., PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 9,5 năm (114 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.318.574 USD (tương đương với 28.191.112.120 đồng), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 365.000 USD (tương đương 7.803.700.000 đồng).

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng tín dụng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.270.000 USD (tương đương với 27.152.600.000 đồng), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 253.000 USD (tương đương với 5.409.140.000 đồng).

Các khoản vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Transco Star, tàu Transco Sky và quyền sử dụng diện tích đất 595m<sup>2</sup> tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TSC-HB/2010 và 02/TSC-HB/2010 ngày 13 tháng 08 năm 2010.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng.

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2013</b>						
Tại ngày 01/01/2013	60.000.000.000	17.169.335.000	2.047.519.690	2.543.003.763	(2.134.389.393)	79.625.469.060
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.986.468.121	2.986.468.121
Tại ngày 31/12/2013	<u>60.000.000.000</u>	<u>17.169.335.000</u>	<u>2.047.519.690</u>	<u>2.543.003.763</u>	<u>852.078.728</u>	<u>82.611.937.181</u>
<b>Năm 2014</b>						
Tại ngày 01/01/2014	60.000.000.000	17.169.335.000	2.047.519.690	2.543.003.763	852.078.728	82.611.937.181
Lãi trong năm	-	-	-	-	23.020.874.051	23.020.874.051
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(279.188.087)	(279.188.087)
Tại ngày 31/12/2014	<u>60.000.000.000</u>	<u>17.169.335.000</u>	<u>2.047.519.690</u>	<u>2.543.003.763</u>	<u>23.593.764.692</u>	<u>105.353.623.145</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%		VND	
Lợi nhuận được phân phối	100,00%		852.078.728	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32,77%		279.188.087	
Lợi nhuận chưa phân phối	67,23%		572.890.641	

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	30,00%	18.000.000.000	30,00%	18.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	70,00%	42.000.000.000	70,00%	42.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>60.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.047.519.690	2.047.519.690
Quỹ dự phòng tài chính	2.543.003.763	2.543.003.763
	<b>4.590.523.453</b>	<b>4.590.523.453</b>

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	120.628.957.185	162.986.621.501
Doanh thu cung cấp dịch vụ	101.235.822.112	67.218.596.070
	<b>221.864.779.297</b>	<b>230.205.217.571</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	105.713.707.546	150.029.096.305
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.623.590.785	62.675.887.978
	<b>202.337.298.331</b>	<b>212.704.984.283</b>

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	768.356.017	21.930.660
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	411.414.738	556.100.261
	<b>1.179.770.755</b>	<b>578.030.921</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.184.229.248	4.969.283.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	340.750.440	1.583.813.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	776.087.209	34.328.220
	<b>4.301.066.897</b>	<b>6.587.425.253</b>

**20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.008.430.706	1.608.139.191
	<b>1.008.430.706</b>	<b>1.608.139.191</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	102.195.760	37.188.061
Chi phí nhân công	4.026.152.360	4.018.743.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.912.165
Thuế, phí, lệ phí	7.463.000	11.513.000
Chi phí dự phòng	57.701.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.150.863.186	1.047.902.976
Chi phí khác bằng tiền	982.806.250	563.757.529
	<b>6.327.181.556</b>	<b>5.681.016.811</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**22 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	17.681.818.182	14.927.272.727
Thu nhập từ bán sắt thép phế liệu, đầu tồn	104.923.269	356.395.064
Thu nhập từ tiền phạt, thưởng phạt thu khách hàng	1.800.083.769	1.156.000.856
Thu nhập từ tiền hỗ trợ chi phí khắc phục sự cố	7.217.839.216	-
Thu nhập khác	2.500.360	122.223.108
	<b>26.807.164.796</b>	<b>16.561.891.755</b>

**23 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	62.931.818	15.566.639.716
Chi phí nhiên liệu bán thanh lý	103.636.216	355.763.068
Tiền bồi thường, nộp phạt theo hợp đồng	258.144.261	510.286.598
Chi phí khắc phục sự cố tàu không được bồi thường	7.682.947.532	1.327.297.805
Chi phí khác	14.699.448	17.119.401
	<b>8.122.359.275</b>	<b>17.777.106.588</b>

**24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.755.378.083	2.986.468.121
Các khoản điều chỉnh tăng	58.500.000	69.332.532
- Chi phí không hợp lệ	58.500.000	69.332.532
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.294.087.031)	(3.055.800.653)
- Chuyển lỗ các năm trước	(6.289.792.384)	(3.055.800.653)
- Chênh lệch tỷ giá của khoản mục tiền và phải thu ngắn hạn	(4.294.647)	-
Tổng thu nhập tính thuế	21.519.791.052	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	4.734.354.031	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	150.001	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.734.504.032</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(4.543.977)	(4.543.977)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.672.593.050)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>2.057.367.005</b>	<b>(4.543.977)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	23.020.874.051	2.986.468.121
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.020.874.051	2.986.468.121
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.837</b>	<b>498</b>

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.644.763.467	85.484.918.498
Chi phí nhân công	18.668.963.448	21.907.080.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.128.872.128	15.510.758.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.959.422.300	96.105.726.533
Chi phí khác bằng tiền	1.213.188.250	985.656.879
	<b>209.615.209.593</b>	<b>219.994.140.285</b>

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.472.229.100	-	14.496.170.013	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.533.825.901	(243.472.630)	13.733.846.598	(185.771.630)
	<b>48.006.055.001</b>	<b>(243.472.630)</b>	<b>28.230.016.611</b>	<b>(185.771.630)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			55.343.712.120	81.817.722.790
Phải trả người bán, phải trả khác			11.076.014.697	16.860.954.310
Chi phí phải trả			7.035.381.448	4.302.668.935
			<b>73.455.108.265</b>	<b>102.981.346.035</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.472.229.100	-	-	38.472.229.100
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.290.353.271	-	-	9.290.353.271
	<u>47.762.582.371</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>47.762.582.371</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thu, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng.

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.496.170.013	-	-	14.496.170.013
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.548.074.968	-	-	13.548.074.968
	<u>28.044.244.981</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>28.044.244.981</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	13.212.840.000	42.130.872.120	-	55.343.712.120
Phải trả người bán, phải trả khác	11.076.014.697	-	-	11.076.014.697
Chi phí phải trả	7.035.381.448	-	-	7.035.381.448
	<u>31.324.236.145</u>	<u>42.130.872.120</u>	<u>-</u>	<u>73.455.108.265</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	18.951.235.000	62.866.487.790	-	81.817.722.790
Phải trả người bán, phải trả khác	16.860.954.310	-	-	16.860.954.310
Chi phí phải trả	4.302.668.935	-	-	4.302.668.935
	<u>40.114.858.245</u>	<u>62.866.487.790</u>	<u>-</u>	<u>102.981.346.035</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 23/01/2015, Công ty đã có thông báo về việc phát hành cổ phiếu ra công chúng căn cứ theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 03/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2015. Theo đó số lượng đăng ký chào bán cho cổ đông hiện hữu là 2.400.000 cổ phiếu và tỷ lệ thực hiện quyền là 5:2 (cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền sẽ được quyền mua thêm 02 cổ phiếu mới phát hành thêm). Đồng thời Công ty cũng thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng là 1.200.000 cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện quyền là 5:1. Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng thêm sau phát hành dự kiến là 36 tỷ đồng trong đó bao gồm vốn huy động thông qua chào bán dự kiến là 24 tỷ đồng, từ cổ phiếu thưởng là 12 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng của đợt chào bán cổ phiếu là ngày 04/03/2015. Thời hạn nhận đăng ký mua từ ngày 10/03/2015 đến ngày 08/04/2015. Thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm từ ngày 10/03/2015 đến ngày 01/04/2015.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỷ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.628.957.185	101.235.822.112	221.864.779.297
Chi phí bộ phận trực tiếp	105.713.707.546	96.623.590.785	202.337.298.331
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.915.249.639</b>	<b>4.612.231.327</b>	<b>19.527.480.966</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	135.043.689.044	15.095.891.083	150.139.580.127
Tài sản không phân bổ	-	-	39.161.982.581
<b>Tổng tài sản</b>	<b>135.043.689.044</b>	<b>15.095.891.083</b>	<b>189.301.562.708</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	70.013.923.969	7.216.920.067	77.230.844.036
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	6.717.095.527
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>70.013.923.969</b>	<b>7.216.920.067</b>	<b>83.947.939.563</b>

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.422.563.711	115.442.215.586	221.864.779.297
Tài sản bộ phận	54.257.873.664	135.043.689.044	189.301.562.708
Nợ phải trả bộ phận	13.934.015.594	70.013.923.969	83.947.939.563

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
		VND	VND
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	351.117.260	758.232.064
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
<b>Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	95.917.500	427.201.251
<b>Phải trả khác</b>			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	269.209.406	914.362.597
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		907.420.547	692.095.261

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trần Thị Thanh Nhạn  
Người lậpTrần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng  
Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2015